

ỦY BAN NHÂN DÂN  
TỈNH QUẢNG BÌNH  
Số: **337**/QĐ-UBND

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc  
Quảng Bình, ngày **19** tháng **02** năm **2025**

## QUYẾT ĐỊNH

**Công bố Danh mục thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung hoặc bị bãi bỏ trong lĩnh vực Chứng thực thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Tư pháp, UBND cấp huyện, UBND cấp xã và các tổ chức hành nghề công chứng trên địa bàn tỉnh Quảng Bình**

### CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG BÌNH

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;*

*Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08/6/2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07/8/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;*

*Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31/10/2017 của Văn phòng Chính phủ hướng dẫn về nghiệp vụ kiểm soát thủ tục hành chính;*

*Căn cứ Quyết định số 86/QĐ-BTP ngày 14/01/2025 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung; thủ tục hành chính bị bãi bỏ trong lĩnh vực Chứng thực thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Tư pháp;*

*Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tư pháp tại Tờ trình số 327/TTr-STP ngày 14/02/2025.*

### QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Công bố kèm theo Quyết định này Danh mục thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung hoặc bị bãi bỏ trong lĩnh vực Chứng thực thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Tư pháp, UBND cấp huyện, UBND cấp xã và tổ chức hành nghề công chứng trên địa bàn tỉnh Quảng Bình.

**Điều 2.** Sở Tư pháp, UBND các huyện, thị xã, thành phố có nhiệm vụ sau:

1. Sở Tư pháp có trách nhiệm tổ chức xây dựng và trình UBND tỉnh phê duyệt các quy trình giải quyết/ cung cấp dịch vụ công trực tuyến được công bố tại quyết định này để thiết lập quy trình điện tử lên Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính của tỉnh.

Thực hiện sao gửi và chỉ đạo các Tổ chức hành nghề công chứng trên địa bàn tỉnh tổ chức công khai và thực hiện các thủ tục hành chính này theo đúng quy định.

2. UBND các huyện, thị xã, thành phố có trách nhiệm sao gửi và chỉ đạo UBND các xã, phường, thị trấn trên địa bàn tổ chức công khai và thực hiện các thủ tục hành chính này theo đúng quy định.

**Điều 3.** Sở Thông tin và Truyền thông có trách nhiệm hủy bỏ quy trình điện tử và thông báo cho các đơn vị, địa phương liên quan theo yêu cầu sau:

1. Khóa chức năng tiếp nhận hồ sơ của các quy trình điện tử giải quyết thủ tục hành chính/dịch vụ công trực tuyến được công bố bãi bỏ chậm nhất sau 05 ngày làm việc, kể từ ngày quyết định công bố được UBND tỉnh ký ban hành.

2. Hủy bỏ quy trình điện tử giải quyết thủ tục hành chính/ dịch vụ công trực tuyến được công bố bãi bỏ chậm nhất sau thời gian bằng thời hạn giải quyết các hồ sơ chuyên tiếp của các quy trình điện tử này. Trường hợp quá thời hạn giải quyết mà vẫn còn tồn đọng hồ sơ chuyên tiếp, thì kết thúc quy trình điện tử giải quyết các hồ sơ này; đồng thời có thông báo danh sách các hồ sơ này cho đơn vị giải quyết hồ sơ trước khi hủy bỏ quy trình.

**Điều 4.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

**Điều 5.** Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc Sở Tư pháp, Giám đốc Sở Thông tin và Truyền thông, Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố, Chủ tịch UBND các xã, phường, thị trấn và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 5;
- Bộ Tư pháp;
- Cục Kiểm soát TTHC - VPCP;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Công TTĐT QB;
- Lưu: VT, KSTTHC.



**Hoàng Xuân Tân**

Phụ lục

**DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH ĐƯỢC ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG HOẶC BỊ BÃI BỎ TRONG LĨNH VỰC CHỨNG THỰC THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA SỞ TƯ PHÁP, UBND CẤP HUYỆN, UBND CẤP XÃ VÀ CÁC TỔ CHỨC HÀNH NGHỀ CÔNG CHỨNG TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH QUẢNG BÌNH**

(Kèm theo Quyết định số 337 /QĐ-UBND ngày 19 tháng 02 năm 2025 của Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Bình)

**I. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG**

TT	Tên thủ tục	Thời gian giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Tên văn bản QPPL quy định nội dung sửa đổi, bổ sung
A	<b>TTHC THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA SỞ TƯ PHÁP, UBND CẤP HUYỆN, UBND CẤP XÃ VÀ CÁC TỔ CHỨC HÀNH NGHỀ CÔNG CHỨNG TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH</b>				
1	Cấp bản sao từ sổ gốc/ 2.000908.000.00.00.H46, Danh mục TTHC ban hành kèm theo Quyết định số 3416/QĐ-UBND ngày 27/11/2015	03 ngày làm việc, trường hợp cần phải xác minh thì thời hạn giải quyết được kéo dài nhưng không quá 05 ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ.	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Quảng Bình, số 09 Quang Trung, TP. Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình/ Trung tâm giao dịch một cửa, một cửa liên thông của UBND cấp huyện/ Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của UBND cấp xã	Không	Nghị định số 07/2025/NĐ-CP ngày 09/01/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định trong lĩnh vực hộ tịch, quốc tịch, chứng thực.
2	Chứng thực bản sao từ bản chính giấy tờ, văn bản do cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của Việt Nam; cơ quan, tổ chức có	Thời hạn thực hiện yêu cầu chứng thực phải được bảo đảm ngay trong ngày cơ quan, tổ chức tiếp nhận yêu cầu hoặc trong ngày làm việc tiếp	Tổ chức hành nghề công chứng /Trung tâm giao dịch một cửa, một cửa liên thông của UBND cấp huyện/ Bộ phận tiếp nhận	Tại Phòng Tư pháp, Tổ chức hành nghề công chứng: 2.000 đồng/trang; từ trang thứ 3 trở lên thu 1.000 đồng/trang, tối đa thu	

	<p>thẩm quyền của nước ngoài; cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của Việt Nam liên kết với cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của nước ngoài cấp hoặc chứng nhận/ 2.000815.000.00.00.H46, Danh mục TTHC ban hành kèm theo Quyết định số 2537/QĐ-UBND ngày 21/7/2020</p>	<p>theo, nếu tiếp nhận yêu cầu sau 15 giờ. Đối với trường hợp cùng một lúc yêu cầu chứng thực bản sao từ nhiều loại bản chính giấy tờ, văn bản; bản chính có nhiều trang; yêu cầu số lượng nhiều bản sao; nội dung giấy tờ, văn bản phức tạp khó kiểm tra, đối chiếu mà cơ quan, tổ chức thực hiện chứng thực không thể đáp ứng được thời hạn nêu trên thì thời hạn chứng thực được kéo dài thêm không quá 02 (hai) ngày làm việc hoặc có thể dài hơn theo thỏa thuận bằng văn bản với người yêu cầu chứng thực. Trường hợp trả kết quả trong ngày làm việc tiếp theo hoặc phải kéo dài thời gian theo quy định thì người tiếp nhận hồ sơ phải có phiếu hẹn ghi rõ thời gian (giờ, ngày) trả kết quả cho người yêu cầu chứng thực.</p>	<p>và trả kết quả của UBND cấp xã</p>	<p>không quá 200.000 đồng/bản. Trang là căn cứ để thu phí được tính theo trang của bản chính;</p>	
3	<p>Chứng thực chữ ký trong các giấy tờ, văn bản (áp dụng cho cả trường hợp chứng thực điểm chỉ và</p>	<p>Trong ngày cơ quan, tổ chức tiếp nhận yêu cầu hoặc trong ngày làm việc tiếp theo, nếu tiếp nhận yêu cầu sau 15 giờ.</p>	<p>Tổ chức hành nghề công chứng /Trung tâm giao dịch một cửa, một cửa liên thông của UBND cấp</p>	<p>Tại UBND cấp xã, Phòng Tư pháp, Tổ chức hành nghề công chứng: 10.000 đồng/trường hợp (trường</p>	<p>Nghị định số 07/2025/NĐ-CP ngày 09/01/2025 của Chính phủ</p>

	trường hợp người yêu cầu chứng thực không ký, không điểm chỉ được)/ 2.000884.000.00.00.H46/ Danh mục TTHC ban hành kèm theo Quyết định số 2537/QĐ-UBND ngày 21/7/2020	Trường hợp trả kết quả trong ngày làm việc tiếp theo thì người tiếp nhận hồ sơ phải có phiếu hẹn ghi rõ thời gian (giờ, ngày) trả kết quả cho người yêu cầu chứng thực.	huyện/ Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của UBND cấp xã	hợp được tính là một hoặc nhiều chữ ký trong một giấy tờ, văn bản).	sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định trong lĩnh vực hộ tịch, quốc tịch, chứng thực
4	Chứng thực việc sửa đổi, bổ sung, hủy bỏ hợp đồng, giao dịch/ 2.000913.000.00.00.H46/ Danh mục TTHC ban hành kèm theo Quyết định số 2537/QĐ-UBND ngày 21/7/2020	Thời hạn thực hiện yêu cầu chứng thực phải được bảo đảm ngay trong ngày cơ quan, tổ chức tiếp nhận yêu cầu hoặc trong ngày làm việc tiếp theo, nếu tiếp nhận yêu cầu sau 15 giờ. Trường hợp trả kết quả trong ngày làm việc tiếp theo thì người tiếp nhận hồ sơ phải có phiếu hẹn ghi rõ thời gian (giờ, ngày) trả kết quả cho người yêu cầu chứng thực.	Trung tâm giao dịch một cửa, một cửa liên thông của UBND cấp huyện/ Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của UBND cấp xã	Phí: 30.000 đồng/hợp đồng, giao dịch.	Nghị định số 07/2025/NĐ-CP ngày 09/01/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định trong lĩnh vực hộ tịch, quốc tịch, chứng thực
5	Sửa lỗi sai sót trong hợp đồng, giao dịch/ 2.000927.000.00.00.H46/ Danh mục TTHC ban hành kèm theo Quyết định số 2537/QĐ-UBND ngày 21/7/2020	Thời hạn thực hiện yêu cầu chứng thực phải được bảo đảm ngay trong ngày cơ quan, tổ chức tiếp nhận yêu cầu hoặc trong ngày làm việc tiếp theo, nếu tiếp nhận yêu cầu sau 15 giờ. Trường hợp trả kết quả trong ngày làm việc tiếp theo thì người tiếp nhận hồ sơ phải	Trung tâm giao dịch một cửa, một cửa liên thông của UBND cấp huyện/ Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của UBND cấp xã	Phí: 25.000 đồng/hợp đồng, giao dịch.	Nghị định số 07/2025/NĐ-CP ngày 09/01/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định trong lĩnh vực hộ tịch, quốc tịch,

		có phiếu hẹn ghi rõ thời gian (giờ, ngày) trả kết quả cho người yêu cầu chứng thực.			chứng thực
6	Cấp bản sao có chứng thực từ bản chính hợp đồng, giao dịch đã được chứng thực / 2.000942.000.00.00.H4, Danh mục TTHC ban hành kèm theo Quyết định số 2537/QĐ-UBND ngày 21/7/2020	Trong ngày cơ quan, tổ chức tiếp nhận yêu cầu hoặc trong ngày làm việc tiếp theo, nếu tiếp nhận yêu cầu sau 15 giờ. Trường hợp trả kết quả trong ngày làm việc tiếp theo thì người tiếp nhận hồ sơ phải có phiếu hẹn ghi rõ thời gian (giờ, ngày) trả kết quả cho người yêu cầu chứng thực.	Trung tâm giao dịch một cửa, một cửa liên thông của UBND cấp huyện/ Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của UBND cấp xã	Phí: 2.000 đồng/trang; từ trang thứ 3 trở lên thu 1.000 đồng/trang, tối đa thu không quá 200.000 đồng/bản. Trang là căn cứ để thu phí được tính theo trang của bản chính	Nghị định số 07/2025/NĐ-CP ngày 09/01/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định trong lĩnh vực hộ tịch, quốc tịch, chứng thực
<b>B TTHC THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA UBND CẤP HUYỆN</b>					
1	Chứng thực chữ ký người dịch mà người dịch không phải là cộng tác viên dịch thuật của Phòng Tư pháp/ 2.001008.000.00.00.H46, Danh mục TTHC ban hành kèm theo Quyết định số 2537/QĐ-UBND ngày 21/7/2020	Trong ngày cơ quan, tổ chức tiếp nhận yêu cầu hoặc trong ngày làm việc tiếp theo, nếu tiếp nhận yêu cầu sau 15 giờ hoặc có thể kéo dài hơn theo thỏa thuận bằng văn bản với người yêu cầu chứng thực. Trường hợp trả kết quả trong ngày làm việc tiếp theo hoặc phải kéo dài thời gian theo thỏa thuận thì người tiếp nhận hồ sơ phải có phiếu hẹn ghi rõ thời gian (giờ, ngày) trả kết quả cho người yêu cầu chứng thực.	Trung tâm giao dịch một cửa, một cửa liên thông của UBND cấp huyện	Phí: 10.000 đồng/trường hợp.	Nghị định số 07/2025/NĐ-CP ngày 09/01/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định trong lĩnh vực hộ tịch, quốc tịch, chứng thực

2	<p>Chứng thực hợp đồng, giao dịch liên quan đến tài sản là động sản/ 2.001044.000.00.00.H46, Danh mục TTHC ban hành kèm theo Quyết định số 2537/QĐ-UBND ngày 21/7/2020</p>	<p>Không quá 02 (hai) ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ yêu cầu chứng thực hoặc có thể kéo dài hơn theo thỏa thuận bằng văn bản với người yêu cầu chứng thực. Trường hợp kéo dài thời hạn giải quyết thì người tiếp nhận hồ sơ phải có phiếu hẹn ghi rõ thời gian (giờ, ngày) trả kết quả cho người yêu cầu chứng thực.</p>	<p>Trung tâm giao dịch một cửa, một cửa liên thông của UBND cấp huyện</p>	<p>Phí: 50.000 đồng/hợp đồng, giao dịch.</p>	<p>Nghị định số 07/2025/NĐ-CP ngày 09/01/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định trong lĩnh vực hộ tịch, quốc tịch, chứng thực</p>
3	<p>Chứng thực văn bản thỏa thuận phân chia di sản mà di sản là động sản/ 2.001050.000.00.00.H46, Danh mục TTHC ban hành kèm theo Quyết định số 2537/QĐ-UBND ngày 21/7/2020</p>	<p>Không quá 02 (hai) ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ yêu cầu chứng thực hoặc có thể kéo dài hơn theo thỏa thuận bằng văn bản với người yêu cầu chứng thực. Trường hợp kéo dài thời hạn giải quyết thì người tiếp nhận hồ sơ phải có phiếu hẹn ghi rõ thời gian (giờ, ngày) trả kết quả cho người yêu cầu chứng thực.</p>	<p>Trung tâm giao dịch một cửa, một cửa liên thông của UBND cấp huyện</p>	<p>Phí: 50.000 đồng/văn bản.</p>	<p>Nghị định số 07/2025/NĐ-CP ngày 09/01/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định trong lĩnh vực hộ tịch, quốc tịch, chứng thực</p>
4	<p>Chứng thực văn bản khai nhận di sản mà di sản là động sản/ 2.001052.000.00.00.H46, Danh mục TTHC ban hành kèm theo Quyết định số 2537/QĐ-UBND ngày</p>	<p>Không quá 02 (hai) ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ yêu cầu chứng thực hoặc có thể kéo dài hơn theo thỏa thuận bằng văn bản với người yêu cầu chứng thực. Trường hợp kéo dài thời hạn giải quyết</p>	<p>Trung tâm giao dịch một cửa, một cửa liên thông của UBND cấp huyện</p>	<p>Phí: 50.000 đồng/văn bản.</p>	<p>Nghị định số 07/2025/NĐ-CP ngày 09/01/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định</p>

	21/7/2020	thì người tiếp nhận hồ sơ phải có phiếu hẹn ghi rõ thời gian (giờ, ngày) trả kết quả cho người yêu cầu chứng thực.			trong lĩnh vực hộ tịch, quốc tịch, chứng thực
<b>C TTHC THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA UBND CẤP XÃ TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH</b>					
1	Chứng thực hợp đồng, giao dịch liên quan đến tài sản là động sản, quyền sử dụng đất, nhà ở/ 2.001035.000.00.00.H46, Danh mục TTHC ban hành kèm theo Quyết định số 2537/QĐ-UBND ngày 21/7/2020	Không quá 02 (hai) ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ yêu cầu chứng thực hoặc có thể kéo dài hơn theo thỏa thuận bằng văn bản với người yêu cầu chứng thực. Trường hợp kéo dài thời hạn giải quyết thì người tiếp nhận hồ sơ phải có phiếu hẹn ghi rõ thời gian (giờ, ngày) trả kết quả cho người yêu cầu chứng thực.	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của UBND xã	Phí: 50.000 đồng/hợp đồng, giao dịch.	Nghị định số 07/2025/NĐ-CP ngày 09/01/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định trong lĩnh vực hộ tịch, quốc tịch, chứng thực
2	Chứng thực di chúc/ 2.001019.000.00.00.H46, Danh mục TTHC ban hành kèm theo Quyết định số 2537/QĐ-UBND ngày 21/7/2020	Không quá 02 (hai) ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ yêu cầu chứng thực hoặc có thể kéo dài hơn theo thỏa thuận bằng văn bản với người yêu cầu chứng thực. Trường hợp kéo dài thời hạn giải quyết thì người tiếp nhận hồ sơ phải có phiếu hẹn ghi rõ thời gian (giờ, ngày) trả kết quả cho người yêu cầu chứng thực.	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của UBND xã	Phí: 50.000 đồng/di chúc.	Nghị định số 07/2025/NĐ-CP ngày 09/01/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định trong lĩnh vực hộ tịch, quốc tịch, chứng thực



3	<p>Chứng thực văn bản từ chối nhận di sản/ 2.001016.000.00.00.H46, Danh mục TTHC ban hành kèm theo Quyết định số 2537/QĐ-UBND ngày 21/7/2020</p>	<p>Không quá 02 (hai) ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ yêu cầu chứng thực hoặc có thể kéo dài hơn theo thỏa thuận bằng văn bản với người yêu cầu chứng thực. Trường hợp kéo dài thời hạn giải quyết thì người tiếp nhận hồ sơ phải có phiếu hẹn ghi rõ thời gian (giờ, ngày) trả kết quả cho người yêu cầu chứng thực.</p>	<p>Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của UBND xã</p>	<p>Phí: 50.000 đồng/văn bản.</p>	<p>Nghị định số 07/2025/NĐ-CP ngày 09/01/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định trong lĩnh vực hộ tịch, quốc tịch, chứng thực.</p>
4	<p>Chứng thực văn bản thỏa thuận phân chia di sản mà di sản là động sản, quyền sử dụng đất, nhà ở/ 2.001406.000.00.00.H46, Danh mục TTHC ban hành kèm theo Quyết định số 2537/QĐ-UBND ngày 21/7/2020</p>	<p>Không quá 02 (hai) ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ yêu cầu chứng thực hoặc có thể kéo dài hơn theo thỏa thuận bằng văn bản với người yêu cầu chứng thực. Trường hợp kéo dài thời hạn giải quyết thì người tiếp nhận hồ sơ phải có phiếu hẹn ghi rõ thời gian (giờ, ngày) trả kết quả cho người yêu cầu chứng thực.</p>	<p>Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của UBND xã</p>	<p>Phí: 50.000 đồng/văn bản.</p>	<p>Nghị định số 07/2025/NĐ-CP ngày 09/01/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định trong lĩnh vực hộ tịch, quốc tịch, chứng thực.</p>
5	<p>Chứng thực văn bản khai nhận di sản mà di sản là động sản, quyền sử dụng đất, nhà ở/ 2.001009.000.00.00.H46, Danh mục TTHC ban hành kèm theo Quyết định</p>	<p>Không quá 02 (hai) ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ yêu cầu chứng thực hoặc có thể kéo dài hơn theo thỏa thuận bằng văn bản với người yêu cầu chứng thực. Trường hợp kéo dài thời hạn giải quyết</p>	<p>Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của UBND xã</p>	<p>Phí: 50.000 đồng/văn bản.</p>	<p>Nghị định số 07/2025/NĐ-CP ngày 09/01/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định</p>

số 2537/QĐ-UBND ngày 21/7/2020	thì người tiếp nhận hồ sơ phải có phiếu hẹn ghi rõ thời gian (giờ, ngày) trả kết quả cho người yêu cầu chứng thực.			trong lĩnh vực hộ tịch, quốc tịch, chứng thực.
--------------------------------	--	--	--	--

## II. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH BỊ BÃI BỎ

STT	Mã số hồ sơ TTHC	Tên thủ tục hành chính	Tên văn bản quy phạm pháp luật quy định nội dung bãi bỏ thủ tục hành chính
1	2.000843.000.00.00.H4, Danh mục TTHC ban hành kèm theo Quyết định số 1839/QĐ-UBND ngày 25/5/2017	Chứng thực bản sao từ bản chính giấy tờ, văn bản do cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của nước ngoài; cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của Việt Nam liên kết với cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của nước ngoài cấp hoặc chứng nhận	Nghị định số 07/2025/NĐ-CP ngày 09/01/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định trong lĩnh vực hộ tịch, quốc tịch, chứng thực.